

UBND TỈNH CÀ MAU

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Mẫu số B01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>34.746.626.687</b>	<b>44.466.532.705</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>31.200.060.694</b>	<b>42.445.282.060</b>
1. Tiền	111		150.060.694	1.395.282.060
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.050.000.000	41.050.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.201.560.386</b>	<b>1.884.286.552</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.844.440.124	1.262.622.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		696.990.391	426.990.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		846.923.169	1.240.327.285
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-1.186.793.298	-1.045.653.124
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>345.005.607</b>	<b>136.964.093</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		336.333.688	116.736.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.671.919	20.227.519
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>5.094.600.032</b>	<b>5.520.138.555</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			

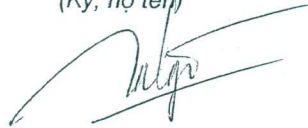
Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.624.290.723</b>	<b>4.913.153.024</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.624.290.723	4.913.153.024
- Nguyên giá	222		12.095.654.733	12.182.098.063
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-7.471.364.010	-7.268.945.039
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>470.309.309</b>	<b>606.985.531</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		470.309.309	606.985.531
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>39.841.226.719</b>	<b>49.986.671.260</b>
<b>C - Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>9.645.688.285</b>	<b>14.565.049.171</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.601.606.615</b>	<b>14.520.967.501</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		668.194.124	1.654.957.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			4.226.423.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.389.523.202	1.883.102.562
4. Phải trả người lao động	314		1.793.079.462	1.923.162.038
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.265.429.307	252.225.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		150.348.372	1.789.068.088
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.335.032.148	2.792.028.913
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>44.081.670</b>	<b>44.081.670</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		44.081.670	44.081.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>30.195.538.434</b>	<b>35.421.622.089</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>29.923.255.011</b>	<b>35.149.338.666</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.865.761.011	13.566.087.962
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			21.525.756.704
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.494.000	57.494.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>272.283.423</b>	<b>272.283.423</b>
1. Nguồn kinh phí	431		112.324.311	112.324.311
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		159.959.112	159.959.112
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>39.841.226.719</b>	<b>49.986.671.260</b>

Tam Giang Tây, ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



*Nguyễn Cảnh Nguyên*

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



*Đinh Văn Diên*

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



*Trần Ngọc Thảo*

UBND TỈNH CÀ MAU

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Mẫu số B02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Phần I - Lãi Lỗ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		46.141.538.969	56.163.650.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		46.141.538.969	56.163.650.468
4. Giá vốn hàng bán	11		30.538.485.857	31.592.337.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.603.053.112	24.571.312.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.746.110.385	1.317.032.453
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.567.769.266	7.181.571.811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.781.394.231	18.706.773.215
11. Thu nhập khác	31		1.602.204.880	207.732.990
12. Chi phí khác	32		37.844.492	284.922.500
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.564.360.388	-77.189.510
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.345.754.619	18.629.583.705
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.322.992.634	4.110.210.489
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.022.761.985	14.519.373.216
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Tam Giang Tây, ngày 25 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Cảnh Nguyễn

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đinh Văn Diên

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Ngọc Thảo

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

Ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		39.845.626.810	56.163.650.468
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14.016.973.876)	(15.024.961.299)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.144.372.681)	(8.947.468.092)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.360.147.206)	(1.246.500.736)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.488.552.160	41.833.503.663
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.026.086.427)	(37.429.246.039)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(16.213.401.220)</b>	<b>35.348.977.965</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(241.668.500)	(160.806.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.595.879.880	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.500.000.000)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.500.000.000	9.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.546.880.725	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>12.901.092.105</b>	<b>(14.660.806.386)</b>

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.932.912.251)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.932.912.251)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(11.245.221.366)</b>	<b>20.688.171.579</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>42.445.282.060</b>	<b>21.757.110.481</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>31.200.060.694</b>	<b>42.445.282.060</b>

  
 Nguyễn Cảnh Nguyên  
 Người lập biểu

  
 Đinh Văn Điền  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Ngọc Thảo  
 Giám đốc  
 Lập Ngày 25 tháng 03 năm 2018



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.0000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là: 27.216.426.414 đồng.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000503134 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp với các ngành nghề kinh doanh của

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Trồng, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản;
- Nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này phù hợp với ngành nghề đã đăng ký.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi Báo cáo tài chính có tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Chế độ

kế toán doanh nghiệp không (tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại ngày 31/03/2017 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

#### 3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Căn cứ xác định lãi suất thực tế (là lãi suất thị trường hay lãi suất ngân hàng thương mại hay lãi suất áp dụng đối với các khoản doanh nghiệp đi vay hoặc căn cứ khác);

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, phí ngân hàng.... Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc của các chứng khoán này lớn hơn giá trị thị trường của chúng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Căn cứ xác định khoản tổn thất không thu hồi được

Căn cứ lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác:***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác: dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản thu phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế

Loại TSCĐ

Thời gian khấu hao ước tính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- TSCĐ khác	04 - 25 năm
- TSCĐ vô hình	02 - 05 năm

### 9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

### 11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Chi phí phải trả như: Các khoản tạm thu ký quỹ lâm sản, chi phí lãi vay, được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Mức dự phòng bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận bằng 5% doanh thu của các công trình xây lắp đang trong thời gian bảo hành.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động đấu giá lâm sản được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng kinh tế đến khi thực hiện khai thác hoàn thành thì xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu cuối kỳ.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo lợi nhuận sau thuế.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn

**19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm để điều chỉnh doanh thu (nếu có phát sinh).

**20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

**22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.*

Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không có chế độ giảm, miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Nêu rõ các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác với mục đích giúp cho người sử dụng hiểu được là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được trình bày trên cơ sở tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**24. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	86.934.005	73.065.453
Tiền gửi ngân hàng	63.126.689 (a)	1.322.216.607
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	31.050.000.000 (b)	41.050.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>31.200.060.694</u></b>	<b><u>42.445.282.060</u></b>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	1.114.615	1.111.597
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	1.428.899	2.770.964
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà M	1.245.730	1.310.832.498
- Ngân hàng Viettin Bank - CN Cà Mau	1.015.131	1.398.138
- Ngân hàng NN&PTNT - CN Cà Mau	790.727	975.227
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Cà Mau	1.183.450	1.285.745
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN Cà Mau	1.000.055	1.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Cà M	1.795.348	1.714.056
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Cà	1.186.661	1.128.382
- Ngân hàng TMCP Hồ chí Minh (HDbank)	52.366.073	
<b>Cộng</b>	<b><u>63.126.689</u></b>	<b><u>1.322.216.607</u></b>

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	3.500.000.000	4.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	4.500.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà M	6.500.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng Viettin Bank - CN Cà Mau	5.050.000.000	6.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng SeaBank - CN Cà Mau	4.500.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hồ chí Minh (HDbank)	2.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>31.050.000.000</u></b>	<b><u>41.050.000.000</u></b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.844.440.124 (c)	1.262.622.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	696.990.391 (d)	426.990.391
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(d)	-
Phải thu ngắn hạn khác	846.923.169 (e)	1.240.327.285
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.186.793.298) (f)	(1.045.653.124)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.201.560.386</b>	<b>1.884.286.552</b>
(c) <i>Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:</i>		

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
* Phải thu của khách hàng	<b>403.698.124</b>	<b>1.053.699.000</b>
- Công ty CP CBTS & XNK		
- Trần Thanh Hùng	403.698.124	1.053.699.000
- Lê Nguyên Khang		
* <b>Hộ dân về khoán vuông tôm</b>	<b>2.440.742.000</b>	<b>208.923.000</b>
- Huỳnh Vũ Phong		1.050.000
- Ngô Minh Triết		
- Lưu Tấn Lực	31.866.667	31.866.667
- Nguyễn Tiến Dũng	31.893.333	31.893.333
- Võ Minh Chơn	9.680.000	9.680.000
- Huỳnh Văn Hòa		395.500
- Nguyễn Văn Thống	20.000.000	20.000.000
- Nguyễn Việt Nam	13.333.000	
- Nguyễn Chí Linh	9.000.000	
- Trần Văn Nguyên	15.390.000	5.130.000
- Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
- Nguyễn Quốc Điền		2.450.000
- Đặng Quang Phúc		10.170.000
- Võ Thanh Liêm	62.500.000	
- Trương Trung Nghĩa	16.012.500	2.287.500
- Công ty Camimex	2.137.066.500	
<b>Cộng</b>	<b>2.844.440.124</b>	<b>1.262.622.000</b>

(d) *Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trần Thị Điện	2.000.000	
- Công ty Kiểm toán Sao Việt	33.000.000	
- Phạm Thanh Bình	47.971.391	47.971.391
- Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Phạm Hòa Bình	30.419.000	30.419.000
- Viện khoa học lâm nghiệp Nam Bộ	367.600.000	
- Phan Văn Đức		7.600.000
- Trung tâm thông tin TN&MT Cà Mau	63.000.000	63.000.000
- Lê Quốc Tạo	13.000.000	28.000.000
- UBND xã Tam Giang		50.000.000
- UBND xã Tam Giang Tây		60.000.000
- Lê Thanh Thuận	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>696.990.391</b>	<b>426.990.391</b>

(e) Phải thu ngắn hạn khác

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
* <b>Phải thu khác</b>	<b>403.698.124</b>	<b>997.398.124</b>
- Công ty TNHH MTV LN U Minh Hạ	403.698.124	703.698.124
- Phải thu về cổ phần hóa		293.700.000
* <b>Phải thu của các cá nhân</b>	<b>332.693.220</b>	<b>172.529.161</b>
- Nguyễn Hữu Huyền	35.666.000	35.666.000
- Mai Thanh Phùng	5.100.000	5.100.000
- Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	5.241.334	7.600.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	3.911.111	11.238.889
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	23.629.166	35.533.333
- Ngân hàng Viettin Bank - CN Cà Mau	12.816.387	8.802.149
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.700.000	7.959.677
- Ngân hàng SeaBank - CN Cà Mau	4.675.000	4.569.891
- Ngân hàng TMCP Kiên Long	3.238.889	3.177.778
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		4.444.444
- Ngân hàng TMCP Hồ chí Minh (HDbank)	3.333.333	
- Phí thi hành án Lưu Tấn Lực	6.200.000	1.200.000
- Phí thi hành án Trần Thanh Hùng		32.147.000
- Thuế TNCN đắp cống điều tiết nuôi tôm		1.760.000
- Công ty Cổ phần thủy sản NG Việt Nam	210.852.000	
<b>Cộng</b>	<b>736.391.344</b>	<b>1.169.927.285</b>
* <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyễn Thị Hải Nghi	12.000.000	
- Lưu Tấn Hùng	20.000.000	20.000.000
- Võ Cao Tuấn	25.000.000	
- Lê Thanh Bình	7.131.825	
- Lư Hoàng Giang	5.000.000	
- Trần Trường Giang	3.000.000	
- Trần Thanh Hùng		5.000.000
- Phạm Minh Lý	25.400.000	25.400.000
- Lữ Hồng Ri	9.000.000	9.000.000
- Nguyễn Văn Đồng		11.000.000
- Phạm Ngọc Hưng	4.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>110.531.825</b>	<b>70.400.000</b>
<b>Tổng cộng phải thu ngắn hạn</b>	<b>846.923.169</b>	<b>1.240.327.285</b>
(f) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
* <b>Phải thu khách hàng</b>	<b>167.440.000</b>	<b>167.440.000</b>
- Lưu Tấn Lực	31.866.667	31.866.667
- Nguyễn Tiến Dũng	31.893.333	31.893.333
- Võ Minh Chơn	9.680.000	9.680.000
- Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
* <b>Phải thu khác</b>	<b>865.354.324</b>	<b>757.794.124</b>
- Nguyễn Hữu Huyền	35.666.000	35.666.000

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Mai Thanh Phùng	5.100.000		5.100.000
- Phạm Công Thức	13.330.000		13.330.000
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	403.698.124		703.698.124
- Công ty Camimex	407.560.200		
* <b>Trả trước cho người bán</b>	<b>153.998.974</b>		<b>120.419.000</b>
- Trần Ngọc Bé	90.000.000		90.000.000
- Phạm Hòa Bình	30.419.000		30.419.000
- Phạm Thanh Bình	33.579.974		
* <b>Tổng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>1.186.793.298</b>		<b>1.045.653.124</b>
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số dự phòng</b>
+ Nợ quá hạn từ 180 đến 360 ngày	709.326.000	30%	212.797.800
+ Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	326.203.391	70%	228.342.374
+ Nợ quá hạn trên 3 năm	745.653.124	100%	745.653.124
	<b>1.781.182.515</b>		<b>1.186.793.298</b>

**3. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	336.333.688 (n)		116.736.574
Thuế GTGT được khấu trừ			
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	8.671.919 (o)		20.227.519
<b>Cộng</b>	<b>345.005.607</b>		<b>136.964.093</b>

(n) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	336.333.688	116.736.574
<b>Cộng</b>	<b>336.333.688</b>	<b>116.736.574</b>

(o) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra nộp thừa		19.887.518
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên (4%)	6.571.919	
- Các khoản phải nộp khác	2.100.000	2.100.000
<b>Cộng</b>	<b>8.671.919</b>	<b>21.987.518</b>

**4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Nguyên giá</b>	<b>12.182.098.063</b>	<b>564.757.107</b>	<b>651.200.437</b>	<b>12.095.654.733</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.755.791.915	161.437.727	467.365.691	8.449.863.951
- Máy móc thiết bị				-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.375.710.818			1.375.710.818
- Thiết bị quản lý	57.790.000	46.363.637		104.153.637
- Tài sản cố định khác	1.992.805.330	356.955.743	183.834.746	2.165.926.327
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>7.268.945.039</b>	<b>853.619.408</b>	<b>651.200.437</b>	<b>7.471.364.010</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.850.786.939	616.239.110	651.200.437	5.815.825.612
- Máy móc thiết bị			-	-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	338.983.507	88.588.512	-	427.572.019
- Thiết bị quản lý	40.934.317	14.867.223		55.801.540
- Tài sản cố định khác	1.038.240.276	133.924.563		1.172.164.839
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>4.913.153.024</b>			<b>4.624.290.723</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.905.004.976			2.634.038.339
- Máy móc thiết bị	0			-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.036.727.311			948.138.799
- Thiết bị quản lý	16.855.683			48.352.097
- Tài sản cố định khác	954.565.054			993.761.488

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: Không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

\* Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Xây dựng nhà lợp tôn Đội sản xuất	47.935.000
- Xây dựng công điều tiết nước Chốt Đường Kéo	113.502.727
- Máy Photocopy AR-6031N Shap	46.363.637
- Làm lộ giao thông nông thôn Tiểu khu 114	117.058.000
- Làm lộ giao thông nông thôn xã Tam Giang	69.090.840
- Xây dựng cầu bê tông Đội sản xuất	43.858.721
- Làm lộ bê tông đường nội bộ khu vực Tam Giang III	126.948.182
<b>Cộng</b>	<b>564.757.107</b>

\* Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Nhà tiểu khu 161	34.710.000
- Trụ sở làm việc A ( sửa chữa 10/2003)	340.168.691
- Sân đan BTCT + Lộ BTCT Tam Giang III	92.487.000
- Công điều tiết nước khu sinh thái (2 cái)	72.184.946
- Kinh đê bao rừng giống ( 3.800 x 8m)	111.649.800
<b>Cộng</b>	<b>651.200.437</b>

**5. Tài sản dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước dài hạn	470.309.309 (o)	606.985.531
<b>Cộng</b>	<b>470.309.309</b>	<b>606.985.531</b>

(o) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí cải tạo vuông tôm chờ phân bố	219.024.996	379.439.757

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- TSCĐ chuyển sang theo TT 45/2013/TT-BTC		
- Giá trị CCDC chờ phân bổ	251.284.313	227.545.774
<b>Cộng</b>	<b>470.309.309</b>	<b>606.985.531</b>
<b>6. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải trả cho người bán	668.194.124 (p)	1.654.957.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
<b>Cộng</b>	<b>668.194.124</b>	<b>1.654.957.000</b>
(p) Chi tiết số dư phải trả người bán:		<b>Số tiền</b>
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	403.698.124	1.053.699.000
- Công ty CPTVTK xây dựng Minh Tâm	241.043.000	
- Công ty TNHH XD TMDV Nam Hà	14.653.000	
- Công ty CP xây dựng Hoàng Mai	8.800.000	42.753.000
- Nguyễn Tấn Vĩnh		25.000.000
- Xưởng may cục hậu cần Quân khu 9		83.160.000
- Nguyễn Hữu Quý		33.000.000
- Nguyễn Việt Bắc		404.745.000
- Công ty TNHH tư vấn Thăng Long		4.400.000
- Nguyễn Văn Thao		8.200.000
<b>Cộng</b>	<b>668.194.124</b>	<b>1.654.957.000</b>
<b>7. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế GTGT phải nộp	41.378.659	121.278.495
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	596.165.154	1.597.317.296
- Thuế tài nguyên		164.506.771
- Thuế tài nguyên ( thủy sản)		
- Khoản lợi nhuận nộp ngân sách	1.751.979.389	(20.227.519)
<b>Cộng</b>	<b>2.389.523.202</b>	<b>1.862.875.043</b>
<b>8. Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí phải trả ngắn hạn	1.265.429.307 (o)	252.225.000
- Phải trả cho người lao động	1.793.079.462	1.923.162.038
- Phải trả ngắn hạn khác	150.348.372 (p)	1.789.068.088
<b>Cộng</b>	<b>3.208.857.141</b>	<b>3.964.455.126</b>
(o) Chi tiết phải trả ngắn hạn	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí kiểm toán	66.000.000	55.000.000
- Chi phí ăn chia lâm sản	251.280.307	71.000.000
- Chi phí xây dựng phương án SDD	126.225.000	126.225.000
- Chi phí dọn vệ sinh rừng sau khai thác 2017	86.724.000	
- Chi phí xác định giá trị cây rừng	735.200.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.265.429.307</b>	<b>252.225.000</b>
(p) Chi tiết phải trả ngắn hạn khác	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Cty lâm nghiệp 184	92.074.534	92.074.534

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Nhà cung cấp khác	20.273.838	20.273.838
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	38.000.000	1.665.897.000
- Kinh phí công đoàn		10.822.716
<b>Cộng</b>	<b>150.348.372</b>	<b>1.789.068.088</b>

### 9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vay chương trình sinh thái	44.081.670	44.081.670
<b>Cộng</b>	<b>44.081.670</b>	<b>44.081.670</b>

### 10. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.566.087.962	16.299.673.048		29.865.761.010
Thặng dư vốn cổ phần				
Vốn khác của chủ sở hữu				
Chênh lệch đánh giá lại TS				
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
Quỹ đầu tư phát triển	21.525.756.704	21.525.756.704		-
Quỹ khác thuộc vốn chủ SH				
LN sau thuế chưa phân phối				
Nguồn vốn đầu tư XDCB	57.494.000			57.494.000
<b>Cộng</b>	<b>35.149.338.666</b>		<b>0</b>	<b>29.923.255.010</b>

### 11. Nguồn kinh phí

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.666.377.000	725.335.117
- Chi sự nghiệp	1.666.377.000	725.335.117
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	112.324.311	112.324.311

### 12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### \* Nợ khó đòi đã xử lý

- Nguyễn Thanh Trang	15.000.000
- Phạm Thị Hằng	5.000.000
- Nguyễn Văn Hạnh	3.241.000
- Mai Văn Biến	3.126.000
- Nguyễn Văn Tài	2.380.000
- Phạm Văn Út	2.500.000
- Phạm Văn Téo	2.300.000
- Nguyễn Tấn Liệt	2.050.000
- Mã Thành Tài	2.000.000
- Lê Minh Sản	1.800.000
- Lê Minh Sản	500.000
- Nguyễn Việt Hoàng	2.925.000
- Lưu Thị Thu	2.625.000
- Nguyễn Văn Thu	201.000

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Phạm Văn Đoàn	1.800.000
- Phạm Văn Chung	900.000
- Trần Việt Khởi	3.000.000
- Trịnh Hoàng Cường	3.600.000
- Nguyễn	250.000
- Lê Hoàng Vũ	1.200.000
- Phạm Thành Bình	16.500.000
- Phạm Văn Sở	1.200.000
- Huỳnh Văn Liệt	2.200.000
- Trần Thanh Phong	90.000
- Trần Quốc Dương	1.400.000
- Hồ Quốc Trị	3.115.000
- Trần Văn Huỳnh	6.210.000
- Trần Thanh Phong	525.000
- Võ Văn Mung	505.000
- Trần Quốc Sơn	10.000
- Phạm Trung Khanh	1.645.000
- Nguyễn Văn Hùng	90.000
- Đặng Trung Nghĩa	1.150.000
- Phạm Văn Phong	3.000.000
- Trần Văn Hà	3.000.000
- Lê Trung Thành	1.000.000
- Hà Hoàng Nam	15.000.000
- Tô Công Bình	5.250.000
- Thái Văn Thuận	200.000
- Huỳnh Văn Cửa	1.000.000
- Tạ Văn Bửu	5.775.000
- Hứa Ngọc Giao	7.920.000
- Nguyễn Mỹ Hạnh	5.000.000
- Lý Hồng Diệu	6.300.000
- Toàn	15.422.000
- Huỳnh Trung Dũng	141.020.000
- Nguyễn Văn Ba	7.133.200
- Dương Thị Thu Hà	1.602.400
- Trần Nho Hạnh	800.000
- Trần Quốc Việt	4.265.200
- Phùng Hữu Thi	1.000.000
- Phan Văn Hợp	250.000
- Lâm Thành Hiếu	2.400.000
- Nguyễn Thanh Tâm	12.787.000
- Nguyễn Thành Trang	5.000.000
- Nguyễn Văn Cường	8.289.000
- Trương Chí Tâm	4.300.000
- Trần Việt Khởi	5.200.000
- Vũ Hoàng Hải	500.000
- Sơn Tùng	2.500.000

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Lê Trung Thành	1.000.000
- Trần Thanh Hóa	2.700.000
- Nguyễn Minh Trí	100.000
- Huỳnh Hồng Vũ	4.448.000
<b>Cộng</b>	<b><u>365.199.800</u></b>

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu khai thác rừng	41.166.377.750	51.480.579.000
- Doanh thu vuông tôm QĐ	985.590.250	1.062.298.850
- Doanh thu khoán vuông	1.168.592.515	934.845.164
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	34.545.454	34.545.454
- Doanh thu thương hiệu tôm sinh thái	2.786.433.000	548.451.000
- Doanh thu than		2.102.931.000
<b>Cộng</b>	<b><u>46.141.538.969</u></b>	<b><u>56.163.650.468</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn lâm sản	29.521.359.827	29.719.769.080
- Giá vốn thủy sản	1.017.126.030	1.257.810.425
- Giá vốn khoán vuông		
- Giá vốn than		614.758.390
- Giá vốn trái giống		
<b>Cộng</b>	<b><u>30.538.485.857</u></b>	<b><u>31.592.337.895</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.746.110.385	1.264.151.909
- Thu hoạt động tài chính khác		52.880.544
<b>Cộng</b>	<b><u>1.746.110.385</u></b>	<b><u>1.317.032.453</u></b>

#### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.887.490.613	5.201.913.413
- Chi phí vật liệu quản lý		43.833.348
- Chi phí đồ dùng văn phòng	223.879.421	217.719.021
- Chi phí khấu hao TSCĐ	244.287.559	229.505.001
- Thuế, phí và lệ phí	344.507.872	167.558.591
- Chi phí dự phòng	441.140.174	94.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.207.771	418.752.615
- Chi phí bằng tiền khác	910.255.856	808.289.822
<b>Cộng</b>	<b><u>7.567.769.266</u></b>	<b><u>7.181.571.811</u></b>

#### 5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	1.000.000	108.010.263
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại		
- Các khoản thu bán hồ sơ đấu giá	3.000.000	72.450.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Các khoản thu khác	1.598.204.880	27.272.727
<b>Cộng</b>	<b>1.602.204.880</b>	<b>207.732.990</b>
<b>6. Chi phí khác</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	37.844.492	284.922.500
<b>Cộng</b>	<b>37.844.492</b>	<b>284.922.500</b>
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nhân công	15.383.780.024	17.927.148.649
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.069.929.000	580.015.734
- Chi phí dụng cụ sản xuất		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	853.619.408	561.748.733
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.649.255.806	8.640.640.509
- Chi phí bằng tiền	4.848.955.876	3.521.916.535
<b>Cộng</b>	<b>30.805.540.114</b>	<b>31.231.470.160</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	2.322.992.634	4.110.210.489
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.322.992.634</b>	<b>4.110.210.489</b>
<b>9. Phân phối lợi nhuận</b>		
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</i>		
<b>Lợi nhuận trước thuế năm nay</b>		<b>11.345.754.619</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)</b>		<b>269.208.552</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn theo quy định		98.160.060
- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN		171.048.492
<b>Lợi nhuận chịu thuế năm nay</b>		<b>11.614.963.171</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)		2.322.992.634
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>		<b>9.022.761.985</b>
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính		
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2.706.828.596
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành		169.164.000
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.994.790.000
- Lợi nhuận trích quỹ còn lại nộp ngân sách		4.151.979.389

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- Thông tin về các bên liên quan:

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Các giao dịch với Ban lãnh đạo Công ty trong năm

Tiền lương, thưởng Ban giám đốc	Năm nay 1.522.476.000	Năm trước 2.093.848.960
---------------------------------	--------------------------	----------------------------

#### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

#### 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

#### 6. Những thông tin khác

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,21	88,96
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,79	11,04
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	24,21	29,14
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75,79	70,86
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	4,13	3,43
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,62	3,06
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,25	2,92
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	24,59	33,17
- Tỷ suất LN sau thuế trên doanh thu	%	19,55	25,85
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	%	28,48	37,27
- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	%	22,65	29,05
3.3 Tỷ suất LN sau thuế trên nguồn vốn CSH	%	30,15	41,31

Nguyễn Cảnh Nguyên  
Người lập

Đinh Văn Điền  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thảo  
Giám đốc

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2018



Số: 38 /2018/SVCT-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền ("Công ty"), được lập Ngày 25 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

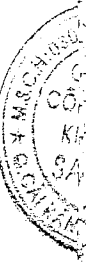
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM**

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 \* Fax : (84-028) 3553 3732  
Email : saoviet1011@vnn.vn

### **VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,  
P.Hung Thạnh, Q.Cai Rang, TP.Cần Thơ  
Tel : (0292) 3765 999 \* Fax: (0292) 3765 766 \* Email : svc-ct@vnn.vn





### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2017 của các khoản phải thu ngắn hạn khác số tiền 403.698.124 đồng và các khoản phải trả khác số tiền là 112.378.372 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực số dư của khoản công nợ nêu trên.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Nhơn**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt  
Cần Thơ, Ngày 25 tháng 03 năm 2018

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Lê Thị Hồng Phương'.

**Lê Thị Hồng Phương**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1

4/1/18  
107/18  
MT  
CV  
-TE